

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 01 năm 2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu

2. Ông Phạm Ngọc Túy

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXX-ST ngày 06/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1988

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1982

Nơi cư trú: thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Chị Q, anh H đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 08/9/2011 tại UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống đến năm 2018 giữa 02 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xô xát, tranh cãi. Đã rất nhiều lần vợ chồng chị ngồi lại nói chuyện nhưng đều không có kết quả, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và kéo dài khiến mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ tháng 08/2021 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Lê Thị Hoàng D, sinh ngày 20/12/2012 và cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 21/10/2017. Ly hôn chị đề nghị xin được nuôi con chung là cháu Lê Hải Đ và nhường quyền nuôi cháu Lê Thị Hoàng D cho anh H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện nay chị làm công nhân tại công ty TNHH S thu nhập 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Văn H trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải:* Anh xác định lời trình bày của Chị Q về thời gian, hoàn cảnh kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Hiện vợ chồng đang sống ly thân từ khoảng tháng 8/2021 đến nay. Chị Q bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình từ tháng 8/2021 đến nay. Nay Chị Q xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì các con cần có cả bố và mẹ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và Chị Q có 02 con chung là cháu Lê Thị Hoàng D, sinh ngày 20/12/2012 và cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 21/10/2017. Ly hôn anh đề nghị xin được nuôi 02 con chung, anh H không yêu cầu Chị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh làm nghề kinh doanh ga và làm thêm tại công ty ở Hải Phòng thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai của cháu Lê Thị Hoàng D ngày 18/11/2021 thể hiện:*

Cháu Lê Thị Hoàng D, sinh ngày 20/12/2012 là con đẻ của chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn H. Từ khi Chị Q, anh H ly thân thì cháu ở cùng anh H. Hiện cháu Dung đang học lớp 4B trường tiểu học xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Nay Chị Q, anh H ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với anh H.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn K, cán bộ tư pháp xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 08/9/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng Chị Q và anh H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, cơ sở thôn đã xuống hòa giải nhiều lần nhưng không thành, Chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Quỳnh Xá sinh sống từ tháng 8/2021 cho đến nay. Nay Chị Q có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng Chị Q, anh H có 02 cháu Lê Thị Hoàng D, sinh ngày 20/12/2012 và cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 21/10/2017, ly hôn đề nghị giao cháu Dung cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho Chị Q nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn H là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị Q, anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 08/9/2011 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, Chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã

Quỳnh Xá sinh sống từ tháng 8/2021 cho đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay không hồi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị Q đề nghị ly hôn nhưng anh H không đồng ý ly hôn và anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị Q, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Q, xử cho chị được ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn H có 02 con chung là Lê Thị Hoàng D, sinh ngày 20/12/2012 và cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 21/10/2017. Ly hôn Chị Q đề nghị được nuôi cháu Đ để anh H nuôi cháu D; anh H đề nghị xin được nuôi 02 con chung. Chị Q, anh H có nguyện vọng được nuôi con chung là hoàn toàn chính đáng, cháu Dung cũng có nguyện vọng ở với anh H. Mức thu nhập của anh H, Chị Q không quá chênh lệch nhau. Tuy nhiên cũng xét hoàn cảnh điều kiện thực tế cũng như nguyện vọng của con chung thì thấy cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 21/10/2017 còn nhỏ cần sự chăm sóc dạy dỗ của người mẹ nên giao cho Chị Q nuôi dưỡng; giao cháu Dung cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu cũng như của Chị Q, anh H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Q, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Q, anh Lê Văn H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Hải Đ, sinh ngày 21/10/2017; xử giao anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Hoàng D sinh ngày 20/12/2012 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Q, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) Chị Q đã nộp theo Biên lai thu số 0004538 ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q, anh Lê Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Doanh